

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ PHỤC HÌNH CỐ ĐỊNH SỨ TRÊN BỆNH NHÂN MẤT RĂNG BÁN PHẦN

Trần Thị Mỹ Lan

Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Huế

Tóm tắt

Đặt vấn đề: Với sự phát triển ngày càng cao của xã hội, con người ngày càng quan tâm nhiều hơn đến vấn đề răng miệng. Phục hình cố định bằng vật liệu sứ là một giải pháp được chọn lựa nhiều nhất hiện nay để đáp ứng thẩm mỹ cũng như chức năng cho bệnh nhân. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu lâm sàng, tiến cứu có can thiệp trên 50 bệnh nhân có nguyện vọng thực hiện phục hình cố định sứ tại phòng khám Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Huế và phòng khám khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Trung ương Huế từ tháng 3/2010 đến tháng 4/2011. **Kết quả:** Màu sắc phục hình ngay sau lắp: 82,27% tốt, 17,73% khá. Về hình dạng phục hình: 88,61% tốt, 11,39% khá. Sau lắp 3 tháng, về màu sắc: có 88% bệnh nhân đánh giá tốt về màu sắc của phục hình. Về hình dạng: có 90% bệnh nhân đánh giá tốt về hình dạng của PH. **Kết luận:** 94% bệnh nhân cảm thấy phục hình cố định sứ đáp ứng được chức năng và thẩm mỹ cho bản thân họ.

Abstract

EVALUATE THE EFFECTIVENESS OF TREATMENT WITH FIXED CERAMIC PROSTHODONTICS FOR PARTIALLY EDENTULOUS PATIENTS

Tran Thi My Lan

Faculty of Odonto – Stomalogy, Hue University of Medicine and Pharmacy

Background: With the higher development of our society, nowadays people more and more care about their oral problems. Ceramic fixed prosthodontics is the first solution which people choose to satisfy them in term of esthetic and function of aspects. **Materials and Methods:** Clinical prospective study was carried on 50 patients who want to have ceramic prosthodontics at the Faculty of Odonto – Stomalogy, Hue University of Medicine and Pharmacy and the Departement of Odonto – Stomalogy, Hue Central Hospital from March 2010 to April 2011. **Results:** After fixing: color of crown: 82.27% good, 17.73% average, shape of crown: 88.61% good, 11.39% average. After fixing 3 months: color of crown: 88% patients evaluate well. Shape of crown: 90% patients evaluate well. **Conclusion:** 94% patients feel fixed ceramic prosthodontics satisfy them both esthetic and function.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với sự phát triển ngày càng cao của xã hội, con người ngày càng quan tâm nhiều hơn đến vấn đề răng miệng. Những vấn đề của răng như tổn thương mô cứng, sự nhiễm sắc của răng do

nguồn nước hay do thuốc cần được giải quyết triệt để nhằm đem lại sự tự nhiên, thẩm mỹ, hài hòa cho khuôn mặt và phải đảm bảo chức năng của từng nhóm răng.

Và cũng với sự phát triển về kỹ thuật và vật

liệu của y học nói chung và ngành nha khoa nói riêng, phục hình cố định (PHCĐ) bằng vật liệu sứ là một giải pháp được chọn lựa nhiều nhất hiện nay để phục hồi cho những răng riêng lẻ có khiếm khuyết mô cứng với kích thước lớn, mất một vài răng với khoảng mất răng ngắn nhờ sự khắc phục được những nhược điểm của các phương pháp phục hồi trước đây [1],[7]. Để đánh giá đầy đủ những giá trị ứng dụng của phục hình cố định với vật liệu sứ. Chúng tôi thực hiện đề tài: **“Đánh giá hiệu quả điều trị phục hình cố định sứ trên bệnh nhân mất răng bán phần”** với mục tiêu để đánh giá hiệu quả về chức năng và thẩm mỹ của phục hình cố định sứ.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Gồm 50 bệnh nhân đến khám tại phòng khám Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Huế và phòng khám Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Trung ương Huế từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 4 năm 2011, có chỉ định và nguyện vọng làm PHCĐ bằng sứ. Bệnh nhân trên 20 tuổi với các đặc điểm: Răng có thân răng mất

chất nhiều do chấn thương, do sâu; răng bị mất do sâu, chấn thương, nguyên nhân khác; răng thiếu sản men, nhiễm màu, răng đã điều trị tủy; răng lệch lạc nhẹ, bất thường về hình dạng, kích thước; khe hở giữa các răng cửa. Tiêu chuẩn loại trừ: Khoảng mất răng dài (> 2 răng) và răng trụ còn lại không đủ tiêu chuẩn. Những bệnh nhân không hợp tác trong thời gian nghiên cứu, bệnh nhân có ý thức vệ sinh răng miệng kém, răng đang có bệnh nha chu chưa được điều trị ổn định, bệnh nhân đang có bệnh toàn thân nặng như tiểu đường, huyết áp...

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu lâm sàng, tiến cứu có can thiệp.

Chúng tôi tiến hành đánh giá về thẩm mỹ và chức năng của phục hình ngay sau lắp và 3 tháng sau lắp. Ghi nhận những thay đổi về tình trạng nướu, độ lung lay răng trụ, sự nứt vỡ bề mặt sứ hay khả năng thực hiện chức năng (ăn nhai, phát âm) của phục hình. Ghi nhận sự hài lòng ở bệnh nhân sau 3 tháng mang phục hình.

2.3. Xử lý số liệu thống kê: Các số liệu được xử lý bằng phương pháp thống kê y học, theo chương trình phần mềm Medcalc 10.0 trên máy vi tính.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đánh giá hình thể phục hình răng ngay sau lắp

Đánh giá \ Nhóm răng	Răng trước		Răng sau		Tổng	
	n	%	n	%	n	%
Tốt	30	83,33	35	81,39	65	82,27
Khá	6	16,67	8	18,61	14	17,73
Trung bình	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	36	100	43	100	79	100

Hình thể PH sau lắp có tỷ lệ tốt ở cả 2 nhóm răng đều cao, ở nhóm răng trước với tỷ lệ 83,33%, ở nhóm răng sau 81,39%. Không

có loại kém, vì với những loại PH này đều được yêu cầu làm lại. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê $p > 0,05$.

3.2. Màu sắc phục hình sau lắp

Nhóm răng Đánh giá	Răng trước		Răng sau		Tổng	
	n	%	n	%	n	%
Tốt	33	91,67	37	86,05	70	88,61
Khá	3	8,33	6	13,95	9	11,39
Trung bình	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	36	100	43	100	79	100

Màu sắc răng sau lắp trên 79 phục hình, có 70 phục hình có màu sắc tốt, chiếm tỷ lệ 88,61%. Có 9 phục hình loại khá chiếm tỷ lệ 11,39%. Không có màu sắc phục hình nào trung bình. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê $p > 0,05$.

3.3. Đánh giá đường viền nướu ngay sau lắp

Nhóm răng Đánh giá	Răng trước		Răng sau		Tổng	
	n	%	n	%	n	%
Tốt	34	94,44	40	93,02	74	93,67
Khá	2	5,56	3	6,98	5	6,33
Trung bình	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	36	100	43	100	79	100,00

Màu sắc đường viền nướu sau lắp, được ghi nhận tốt với tỷ lệ 93,67%, loại khá 6,33%. Ở nhóm răng trước, tỷ lệ đường viền nướu có tỷ lệ tốt 94,44%, loại khá 5,56%. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

3.4. Đánh giá điểm tiếp xúc của phục hình sau lắp

Điểm tiếp xúc sau lắp được ghi nhận là tốt ở tất cả các trường hợp. Trường hợp PH tiếp xúc bên không tốt đều được chỉnh sửa hay làm lại.

Đánh giá chung sau khi lắp

Mức độ Đánh giá	Tốt (tỷ lệ %)		Khá (tỷ lệ %)	
	Răng trước	Răng sau	Răng trước	Răng sau
Hình thể	83,33	81,39	16,67	18,61
Màu sắc	91,67	86,05	8,33	13,95
Đường viền nướu	94,44	93,02	5,56	6,98
Điểm t.xúc	100,00	100,00	0	0

Nhận xét: Sau lắp trên 50 bệnh nhân, kết quả chung ghi nhận được như sau:

- Về hình thể răng, tỷ lệ tốt khá cao, ở nhóm răng trước 83,33%, ở nhóm răng sau 81,39%. Về màu sắc răng, tỷ lệ màu tốt ở nhóm răng

trước là 91,67%, cao hơn ở nhóm sau 86,04%. Đường viền nướu có tỷ lệ tốt cao ở nhóm răng trước với tỷ lệ 94,44%, ở nhóm răng sau là 93,02%. Tiếp xúc bên được ghi nhận là tốt ở tất cả các mào và cầu được lắp.

3.5. Đánh giá sau lắp răng 03 tháng

Đánh giá chung về thẩm mỹ sau lắp PH 3 tháng

Mức độ Đánh giá	Tốt (tỷ lệ %)		Khá (tỷ lệ %)		Trung bình (tỷ lệ %)		Thất bại (tỷ lệ %)	
	Răng trước	Răng sau	Răng trước	Răng sau	Răng trước	Răng sau	Răng trước	Răng sau
Hình thể	83,33	81,39	16,67	18,61	0	0	0	0
Màu sắc	91,67	86,05	8,33	13,95	0	0	0	0
Đường viền nướu	94,44	90,69	5,56	9,31	0	0	0	0
Tình trạng nướu răng trụ	91,67	86,05	8,33	13,95	0	0	0	0

Sau lắp 3 tháng, màu sắc của PH không thay đổi. Ghi nhận với tỷ lệ như nhau với PH mới gắn. Về hình thể sau 3 tháng không có sự thay đổi, không có PH nào được ghi nhận là nứt vỡ hay bong sút sứ. Các răng trụ không có hiện tượng đau hay lung lay. Ở nhóm răng trước có nướu bị viêm chiếm tỷ lệ 8,33%, nhóm răng sau 13,96%. Không ghi nhận thấy các trường hợp tổn thương nặng ở vùng nướu như túi nha chu hay abscess nha chu.

Đánh giá chức năng của phục hình sau lắp 3 tháng

Loại phục hình Tình trạng	Cầu				Mão				Tổng	
	Tốt		T. bình		Tốt		T.bình			
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Tiếp xúc bên	40	100	0	0	39	100	0	0	79	100
Răng trụ	40	100	0	0	39	100	0	0	79	100
Chức năng ăn nhai	20	100	0	0	39	100	0	0	59	100
Chức năng phát âm	20	100	0	0	39	100	0	0	59	100

Sau lắp 3 tháng 100% PH ở cả 2 loại mào và cầu có tiếp xúc bên tốt, răng trụ vững ổn. Chức năng ăn nhai và phát âm được ghi nhận là tốt ở 100% PH.

Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân sau lắp 3 tháng

Mức độ Đánh giá	Tốt		Trung bình		Kém		Tổng
	n	%	n	%	n	%	
Màu sắc	44	88,00	6	12,00	0	0	50
Hình dạng	45	90,00	5	10,00	0	0	50
Đường viền nướu	46	92,00	4	8,00	0	0	50
Sự hài lòng	47	94,00	3	6,00	0	0	50

Về màu sắc, có 44 bệnh nhân thấy rất hài lòng và đánh giá tốt, chiếm tỷ lệ 88%. Có 6 bệnh nhân đánh giá khá, chiếm tỷ lệ 12%. Về hình dạng, có 45 bệnh nhân đánh giá tốt chiếm tỷ lệ 90%, tỷ lệ khá 10%. Có 46 bệnh nhân ghi nhận đường viền tốt, chiếm tỷ lệ 92% và 8%

khá. 47 bệnh nhân thật sự hài lòng với phục hình đang mang, chiếm tỷ lệ 94%, 3 bệnh nhân chấp nhận được, chiếm tỷ lệ 6%.

4. BÀN LUẬN

Qua nghiên cứu trên 50 bệnh nhân đến thực hiện phục hình cố định, chúng tôi có một số vấn đề cần bàn luận về kết quả điều trị phục hình như sau:

4.1. Về hình thể răng

- Trong số 79 PH được lắp, có 65 PH có hình thể tốt, chiếm tỷ lệ 82,27%.

- Hình thể răng trước loại tốt có tỷ lệ 83,33%. Các răng này thường gặp ở bệnh nhân có răng và cung hàm cân đối, hài hòa. Các răng không vẩu quá hay không quá thưa.

- Hình thể răng được đánh giá là khá khi hình thể răng chỉ đạt sự hài hòa tương đối với cung hàm và các răng bên cạnh. Ở vùng răng trước có 6 PH, chiếm tỷ lệ 16,67%. Nguyên nhân do bệnh nhân có răng quá hô hay răng thưa kẽ, do đó phải thay đổi kích thước của răng để đảm bảo thẩm mỹ tương đối cho bệnh nhân. Ở vùng răng sau, có 8 PH có hình thể khá, chiếm tỷ lệ 18,61%. Lý do thường gặp do hình thể PH thay đổi để phù hợp với khoảng mất răng lâu không phục hình. So sánh giữa nghiên cứu của chúng tôi với nghiên cứu của Lương Thị Nghĩa Vân có sự tương đồng với tỷ lệ hình thể mào tốt 86,84% và khá 13,16% [7]. Tuy nhiên sự khác biệt về đánh giá về hình thể ở 2 nhóm răng trước và sau không có ý nghĩa thống kê, với $p>0,05$. Sau 3 tháng theo dõi, không có PH nào thay đổi về hình thể PH như nứt, vỡ. Điều này cũng phản ánh độ bền của PH. Tuy nhiên, để đánh giá chính xác độ bền của PH cần có thời gian theo dõi lâu dài. Nghiên cứu của Chu Thị Quỳnh Hương nhận xét: tỷ lệ tồn tại của PH sau 12 tháng là 100% [3].

4.2. Về màu sắc

Ngay sau lắp, 70 PH có màu sắc tốt, với tỷ lệ 88,61%. PH có màu sắc khá chiếm tỷ lệ 11,39%. Màu sắc được đánh giá tốt khi có độ bão hòa màu và độ sáng tối giống răng tự nhiên. Những màu răng giả đạt tiêu chí tốt, ngoài việc so màu tốt, kỹ thuật viên có kinh nghiệm tốt trong việc pha màu cho PH, những răng ở tông màu cơ bản giống răng trên ví so màu dễ dàng đẹp hơn hoặc PH cả nhóm răng, màu răng dễ hài hòa hơn PH những răng riêng lẻ. Những răng được đánh giá có màu sắc khá khi độ bão hòa màu sắc chỉ đạt khoảng 80% so với màu răng thật. Thường gặp ở những răng bị nhiễm màu (tetracyclin, fluor...) hay thiếu sản men và chỉ thực hiện PH trên một vài răng riêng lẻ. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai nhóm răng không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Sau 3 tháng theo dõi, màu sắc của PH không thay đổi.

4.3. Đường viền cổ răng

Có 74 PH răng có đường viền tốt sau lắp, chiếm tỷ lệ 93,67%. Trong đó có 34 PH ở vùng răng trước, chiếm tỷ lệ 94,44%. Ở vùng răng sau, có 40 PH, tỷ lệ 93,02%. Tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p>0,05$.

Chúng tôi tiến hành đánh giá sau 3 tháng, kết quả có sự thay đổi trong tỷ lệ tốt của đường viền cổ răng. Ở vùng răng trước, tỷ lệ tốt giảm xuống còn 83,33%, ở vùng răng sau là 90,69%. Sau thời gian sử dụng, sườn kim loại thường bị oxy hóa làm cổ răng chuyển sang màu xanh xám hay đen. Ở vùng răng trước do chọn đường hoàn tất dưới nướu nên đường viền cổ răng bị ảnh hưởng nhiều hơn ở vùng răng sau. Tuy nhiên với những mào răng được thực hiện đúng quy trình labo chính xác, màu sắc đường viền có chuyển màu nhưng không bị ánh đen.

4.4. Đánh giá chức năng

Sau 3 tháng sử dụng PH, chúng tôi không phát hiện có răng trụ nào lung lay. Kết quả

nghiên cứu của Chu Thị Quỳnh Hương với thời gian theo dõi 6 tháng cũng cho thấy có 100% răng trụ vững ổn sau lắp [3]. Các mão răng thực hiện tốt chức năng ăn nhai, bệnh nhân ăn nhai thoải mái, có thể nhai nhỏ thức ăn và ăn được nhiều loại thức ăn khác nhau. Không có tình trạng giắt thức ăn nào được ghi nhận, vì đa số mão răng đã được kiểm soát tiếp xúc bên tốt trước khi gắn. Bệnh nhân phát âm bình thường, chưa có ghi nhận nào về tình trạng khó nói hay nói ngọng sau lắp. Điều này có thể giải thích được do mão răng thực hiện giới hạn trong vùng răng thay thế, không gây cảm giác vướng víu cho bệnh nhân trong phát âm.

4.5. Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân

Đa số bệnh nhân thích nghi hoàn toàn với PH sau lắp 1 tuần. Sau 3 tháng, 94% bệnh nhân thấy hài lòng, thoải mái. Có 3 bệnh nhân đánh giá ở mức độ chấp nhận được về PH đang mang, chiếm tỷ lệ 6%. Phần lớn bệnh nhân chấp nhận và không có cảm giác mình đang mang răng giả. Bệnh nhân thoải mái ăn nhai và ăn được nhiều loại thức ăn khác nhau. Đây là giai đoạn PH dễ nứt vỡ nếu chỉ định đối với những bệnh nhân có thói quen ăn nhai không tốt hay khớp cắn không thuận lợi. Không ghi nhận trường hợp bệnh nhân chưa thực sự hài lòng hay bệnh nhân không chấp nhận được. Điều này có thể hiểu được vì PHCĐ đem lại cảm giác thoải mái dễ chịu hơn các loại PH khác do bệnh nhân không có cảm giác “vật lạ” trong miệng. Có thể khắc phục những yếu tố thiếu thẩm mỹ của bệnh nhân như răng hô, răng thưa, răng nhiễm màu... Có 90% bệnh

nhân hài lòng về hình thể mão răng, 88% hài lòng về màu sắc của răng. Qua đó cho ta thấy PHCĐ không chỉ đem đến cảm giác thoải mái, thuận tiện khi sử dụng, đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của bệnh nhân mà còn đảm bảo khả năng thực hiện chức năng của răng thay thế. Do đó 94% bệnh nhân hài lòng về PH mà mình đang mang.

5. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu trong thời gian từ tháng 3/2010 đến tháng 4/2011, với 50 bệnh nhân được chỉ định thực hiện PHCĐ, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

- Ngay sau lắp răng: hầu hết bệnh nhân đạt kết quả tốt sau lắp hàm.

- Sau lắp 3 tháng: không ghi nhận bất kỳ trường hợp răng trụ lung lay, bề mặt sứ nứt, vỡ hay bệnh nhân cảm thấy không hài lòng.

- Về màu sắc: có 88% bệnh nhân đánh giá tốt về màu sắc của PH.

- Về hình dạng: có 90% bệnh nhân đánh giá tốt về hình dạng của PH.

- Đường viền nướu: có 92% bệnh nhân thấy đường viền nướu tốt.

- Có 47 bệnh nhân thấy thật sự hài lòng với PH đang mang, chiếm tỷ lệ 94%. Có 6% bệnh nhân thấy chấp nhận được.

- Đa số bệnh nhân chấp nhận PH và thấy thoải mái ngay sau gắn.

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

PH: Phục hình

PHCĐ: Phục hình cố định

R: Răng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Thị Quỳnh Hương (2004), *Nhận xét về vật liệu toàn sứ IPS EMPRESS II trong phục hình nhóm răng trước*, Luận văn Thạc sĩ Y học, trường Đại học Y Hà Nội, tr. 42-44.
2. Chu Thị Quỳnh Hương (2007), “Đường hoàn

tất trong phục hình cố định.”, *Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học răng hàm mặt năm 2007*, NXB Y học, tr. 45-51.

3. Chu Thị Quỳnh Hương (2010), *Nghiên cứu và đánh giá kết quả sử dụng vật liệu toàn sứ*

- IPS EMPRESS II trong phục hình nhóm răng trước*, Luận văn Tiến Sĩ Y học, trường Đại Học Y Hà Nội.
4. Trần Thiện Lộc, Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Kim Dung (2004), “Giới thiệu môn phục hình răng và đại cương về phục hình răng cố định”, *Phục hình răng cố định*, Nhà xuất bản Y học chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 9-13
 5. Trần Thiện Lộc, Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Kim Dung (2004), “Sửa soạn cùi răng ”, *Phục hình răng cố định*, Nhà xuất bản Y học chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 14-20.
 6. Nguyễn Thị Kim Ngân (2007), *Nhận xét và đánh giá kết quả điều trị phục hình chụp sứ Alumina nhóm răng trước*, Luận văn Thạc sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội, tr.5-23.
 7. Lương Thị Nghĩa Vân (2010), *Nhận xét kết quả điều trị phục hình nhóm răng trước bằng chụp Sứ- Kim loại quý*, Luận văn Thạc Sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
 8. Herbert T.S., Sumiya H., Lowell D.W., Richard J., Bracket E.S. (1997), “Metal-Ceramic Restoration”, *Fundamental of Fixed Prosthodontic*, 3rd edition, pp. 445-481.
 9. Maltan W., Wolf J.S., Wolf A.E. and Boening K.W. (2006), “Six – year clinical performance of all ceramic crown with Alumina cones”, *Ints prosthodont* 19(2), pp 16-23.
 10. Robert G.C. (2008), “Ceramic-Metal Systems”, *Restorative Dental Material*, 11th edition, pp 576-590.